**I. THEO DÒNG LỊCH SỬ**

- 02/9/1945: Quốc khánh Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- 02/9/1969: Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần.

- 12/9/1930: Xô Viết Nghệ Tĩnh.

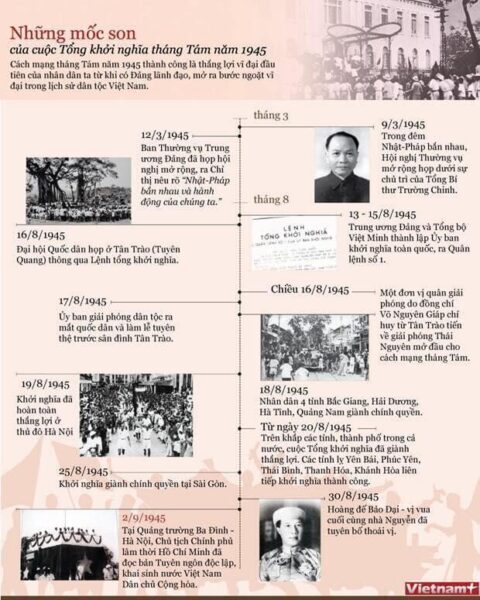
- 20/9/1977: Việt Nam trở thành thành viên Liên Hiệp Quốc.

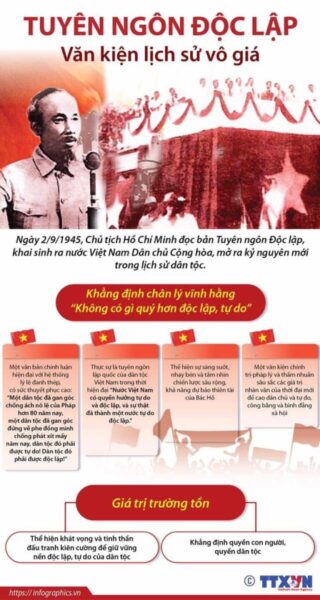
- 23/9/1977: Nam Bộ kháng chiến.

- 27/9/1940: Khởi nghĩa Bắc Sơn.

- 30/9/1988: Kỷ niệm ngày mất của đồng chí Trường Chinh

**II. KỶ NIỆM 77 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG** **(19/8/1945 – 19/8/2022) VÀ**  **QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **(02/9/1945 – 02/9/2022)**





**1. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 – SỰ KIỆN VĨ ĐẠI TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT NAM**

* 1. **. Bối cảnh lịch sử và diễn biến**

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn cuối. Hồng quân Xô Viết liên tiếp giành thắng lợi quyết định trên chiến trường châu Âu, giải phóng một loạt nước và tiến thẳng vào sào huyệt phát xít Đức tại Béclin. Ngày 09/5/1945, phát xít Đức đầu hàng vô điều kiện, chiến tranh kết thúc ở châu Âu. Ngày 08/8/1945, Hồng quân Liên Xô tiến công như vũ bão vào quân đội Nhật. Ngày 14/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng vô điều kiện, Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Theo thỏa thuận của các nước Đồng minh, sau khi phát xít Nhật đầu hàng, quân đội Anh và Tưởng sẽ vào Đông Dương để giải giáp quân đội Nhật. Trong khi đó, thực dân Pháp lăm le dựa vào Đồng minh hòng khôi phục địa vị thống trị của mình; đế quốc Mỹ đứng sau các thế lực này cũng sẵn sàng can thiệp vào Đông Dương; những phần tử phản động, ngoan cố trong chính quyền tay sai Nhật đang âm mưu thay thầy đổi chủ, chống lại cách mạng.

Trong nước, trải qua các phong trào đấu tranh cách mạng, đến năm 1945, phong trào cách mạng dâng cao. Ngày 09/3/1945, phát xít Nhật làm cuộc đảo chính hất cẳng Pháp. Ngay trong đêm đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng quyết định phát động một cao trào cách mạng làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa, thay đổi các hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh cho thích hợp. Tháng 3/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Tháng 4/1945, Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, quyết định nhiều vấn đề quan trọng, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân. Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị tổ chức các Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp và chuẩn bị thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam.

Từ tháng 4/1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra mạnh mẽ, phong phú về nội dung và hình thức. Đầu tháng 5/1945, Bác Hồ từ Cao Bằng về Tuyên Quang, chọn Tân Trào làm căn cứ chỉ đạo cách mạng cả nước và chuẩn bị Đại hội quốc dân. Ngày 04/6/1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập, đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban chỉ huy lâm thời, trở thành căn cứ địa của cả nước. Tháng 8/1945, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) khẳng định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành độc lập đã tới” và quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương; đề ra ba nguyên tắc bảo đảm tổng khởi nghĩa thắng lợi, đó là: Tập trung, thống nhất, kịp thời. 23 giờ ngày 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1 hiệu triệu toàn dân Tổng khởi nghĩa. Ngày 16/8/1945, Đại hội Quốc dân họp tại Tân trào thông qua “10 chính sách lớn của Việt Minh”; thông qua “Lệnh tổng khởi nghĩa”; quy định quốc kỳ, quốc ca; thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Trung ương, tức Chính phủ Lâm thời do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi Nhân dân cả nước tổng khởi nghĩa, trong đó chỉ rõ: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân cả nước đồng loạt vùng dậy, tiến hành tổng khởi nghĩa, giành chính quyền. Từ ngày 14 đến ngày 18/8, cuộc tổng khởi nghĩa nổ ra giành được thắng lợi ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, đại bộ phận miền Trung, một phần miền Nam và ở các thị xã: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Hội An, Quảng Nam… Ngày 19/8, khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Hà Nội. Ngày 23/8, khởi nghĩa thắng lợi ở Huế và ở Bắc Cạn, Hòa Bình, Hải Phòng, Hà Đông, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định, Gia Lai, Bạc Liêu… Ngày 25/8, khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn – Gia Định, Kon Tum, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh, Biên Hòa, Tây Ninh, Bến Tre… Ở Côn Đảo, Đảng bộ nhà tù Côn Đảo đã lãnh đạo các chiến sĩ cách mạng bị giam cầm nổi dậy giành chính quyền.

Chỉ trong vòng 15 ngày cuối tháng 8/1945, cuộc tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn, chính quyền trong cả nước về tay Nhân dân.

Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) lịch sử, trước cuộc mít tinh của gần một triệu đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời trịnh trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Từ đó, ngày 02/9 là Ngày Quốc khánh của nước ta.

Cùng với phong trào cách mạng của cả nước, ở Khánh Hòa, ngày 11/8/1945, khi được tin phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh, đêm 12/8, các đồng chí lãnh đạo Việt Minh tỉnh đã triệu tập một cuộc họp và quyết định nắm ngay thời cơ Nhật tuyên bố đầu hàng đồng minh để phát động khởi nghĩa trong toàn tỉnh.

Đêm 15/8, Tỉnh ủy lâm thời mở cuộc họp với đại biểu các huyện tại một điểm ở khu vực Xóm Mới, gần kho xăng Phước Hải. Hội nghị nhận định: Thời cơ khởi nghĩa đã đến, các lực lượng cách mạng trong tỉnh cần thống nhất để đủ sức chuẩn bị và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đi đến thắng lợi. Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa và triệu tập Đại hội Việt Minh. Ngày 17/8 diễn ra Đại hội Việt Minh toàn tỉnh, bao gồm đại diện Tỉnh ủy lâm thời, Ủy ban Việt Minh tỉnh, các huyện và thị xã Nha Trang. Đại hội bàn cụ thể về kế hoạch khởi nghĩa trong toàn tỉnh, nhất là ở Nha Trang và bầu Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời, các phủ, huyện lần lượt khởi nghĩa và giành thắng lợi. Tại Vạn Ninh ngày 14/8, Ninh Hòa 17/8, Nha Trang, Vĩnh Xương, Diên Khánh ngày 19/8 và Cam Ranh ngày 22/8.

Như vậy, chỉ trong vòng một tuần lễ, Nhân dân Khánh Hòa dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời và Mặt trận Việt Minh đã nổi dậy khởi nghĩa thắng lợi, xóa bỏ hoàn toàn chính quyền bù nhìn tay sai, thiết lập chính quyền nhân dân từ tỉnh đến cơ sở. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Khánh Hòa góp phần vào thắng lợi chung của cuộc Tổng khởi nghĩa mùa Thu năm 1945 trên cả nước.

**1.2 Nguyên nhân thắng lợi**

– Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công mau lẹ do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng, có ý nghĩa quyết định là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt, khéo léo của Đảng; là sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta một cách đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo. Đảng có phương pháp, chiến lược, chiến thuật cách mạng phù hợp, linh hoạt; nhận thức được thời cơ, chủ động đón thời cơ và kiên quyết chớp thời cơ, tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

– Cách mạng Tháng Tám thành công là do tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quật cường của các tầng lớp nhân dân ta, không chịu sống mãi kiếp nô lệ của người dân mất nước; một lòng đi theo Đảng và được Đảng lãnh đạo qua các phong trào đấu tranh cách mạng, đã quyết vùng lên giành độc lập cho dân tộc. Trải qua 15 năm đấu tranh cực kỳ gian khổ và anh dũng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã có biết bao đồng bào, chiến sĩ đã không hề tiếc máu xương, hy sinh oanh liệt vì mục tiêu độc lập dân tộc.

– Cách mạng Tháng Tám được tiến hành trong bối cảnh quốc tế có những thuận lợi nhất định. Chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật đã bị đánh bại, phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức và của các lực lượng tiến bộ trên thế giới phát triển mạnh.

**1.3 Ý nghĩa lịch sử**

– Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của Nhân dân ta từ khi có Đảng lãnh đạo, mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Chính quyền về tay Nhân dân, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời

– Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á; chấm dứt chế độ quân chủ phong kiến ở Việt Nam; kết thúc hơn 80 năm, Nhân dân ta dưới ách đô hộ của thực dân, phát xít. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân một nước độc lập, làm chủ vận mệnh của mình. Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, tự do và dân chủ. Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành một Đảng cầm quyền. Từ đây, đất nước, xã hội, dân tộc và con người Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

– Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam; là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng ta gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; là sự thể nghiệm thành công đầu tiên chủ nghĩa Mác-Lênin tại một nước thuộc địa ở châu Á. Đây còn là quá trình phát triển tất yếu của lịch sử dân tộc trải qua mấy nghìn năm phấn đấu, đỉnh cao của ý chí quật cường, sức mạnh cố kết cộng đồng, tầm cao trí tuệ của dân tộc hòa quyện với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với xu thế của thời đại vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

– Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước bị chủ nghĩa đế quốc thực dân áp bức, thống trị. Nó khẳng định rằng, trong điều kiện trào lưu của cách mạng vô sản, cuộc cách mạng do một đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo không chỉ có thể thành công ở một nước tư bản kém phát triển, nơi mắt xích yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc mà còn có thể thành công ở ngay một nước thuộc địa nửa phong kiến lạc hậu để đưa cả dân tộc đó đi lên theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

**1.4 Một số bài học kinh nghiệm**

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 để lại nhiều bài học quý báu, nổi bật là:

Bài học thứ nhất, là có một Đảng tiên phong thật sự cách mạng, tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, được tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng đã nắm vững hoàn cảnh cụ thể của mỗi giai đoạn lịch sử, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, có phương pháp và hình thức đấu tranh phù hợp; biết nắm bắt thời cơ, xây dựng lực lượng và tổ chức, sử dụng lực lượng; phát huy được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để dẫn dắt quần chúng đứng lên giành và giữ chính quyền.

Bài học thứ hai, là vấn đề giành và giữ chính quyền. Đảng ta đã biết chăm lo xây dựng lực lượng cách mạng, làm cho lực lượng cách mạng đủ mạnh, thu hút được đông đảo quần chúng tham gia, từ đó làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo ra thời cơ cách mạng để đưa cuộc cách mạng đến thành công. Để giữ vững chính quyền, Đảng và Nhà nước ta đã dựa chắc vào Nhân dân, tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần để đấu tranh thắng lợi với thù trong giặc ngoài. Đảng ta biết kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và sử dụng bạo lực cách mạng thích hợp và đúng lúc để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Bài học thứ ba, là vấn đề nắm bắt được thời cơ, đề ra được những quyết định chính xác và kịp thời. Nghệ thuật chỉ đạo tài tình của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc chọn đúng thời cơ, ra quyết định Tổng khởi nghĩa đúng lúc thể hiện cụ thể trong Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng tháng 3/1945 “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” và bản Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc phát đi đêm 13/8/1945. Cũng nhờ chọn đúng thời cơ mà sức mạnh của Nhân dân ta trong Cách mạng Tháng Tám được nhân lên gấp bội, đã tiến hành tổng khởi nghĩa thành công trong phạm vi cả nước trong thời gian ngắn.

2**. THÀNH TỰU 77 NĂM XÂY DỰNG, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC**

**2.1 Giành chiến thắng vĩ đại trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế**

– Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn. Trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã phát huy cao độ sáng tạo, khéo léo, vững tay chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách; lãnh đạo Nhân dân bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai với phương châm vừa kiến quốc, kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh.

Năm 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi và việc ký kết Hiệp định Giơnevơ đã chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp ở nước ta, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

– Sau năm 1954, trước âm mưu chia cắt nước ta lâu dài của Đế quốc Mỹ, biến Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới. Toàn thể Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ cách mạng: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa của cách mạng cả nước; cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước.

– Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã đưa đất nước ta bước vào thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tập trung trí lực, ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới, thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong lúc phải khẩn trương khắc phục những hậu quả vô cùng nặng nề do chiến tranh để lại, Nhân dân Việt Nam lại tiếp tục phải đương đầu với những cuộc chiến tranh mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta vừa tập trung khôi phục kinh tế – xã hội, vừa chiến đấu bảo vệ biên giới, bảo vệ độc lập, chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; đồng thời, làm tròn nghĩa vụ quốc tế giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng và tiến hành công cuộc hồi sinh đất nước.

– Mười năm (1975 – 1985), cả nước tiến theo con đường chủ nghĩa xã hội là chặng đường Đảng ta tìm tòi con đường đổi mới. Đây cũng là thời kỳ tư duy mới được hình thành từng bước bắt nguồn từ thực tiễn sinh động của cách mạng Việt Nam. Những thành tựu và khuyết điểm đã để lại những bài học quý giá cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong những năm tiếp theo.

**2.2 Đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới**

Trước những yêu cầu mới của sự phát triển đất nước, để khắc phục những bất cập của cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp dẫn tới sự khủng hoảng kinh tế – xã hội những năm sau chiến tranh, trên cơ sở tổng kết sáng kiến, sáng tạo trong thực tiễn của nhân dân, Đảng ta đã tiến hành đổi mới từng phần trong nông nghiệp, công nghiệp và trước hết là đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và từng bước hình thành Đường lối đổi mới đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình đất nước và qua quá trình tìm tòi, khảo nghiệm thực tiễn, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, đã đề ra Đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới ra đời đã đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn lịch sử, khẳng định bản lĩnh vững vàng, tư duy sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mở ra một thời kỳ mới cho sự phát triển của đất nước.

Sau hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ một đất nước với cơ sở vật chất – kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội lạc hậu, trình độ thấp, đến nay, Việt Nam đã vươn mình trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình; Nhân dân có cuộc sống tốt đẹp hơn; khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững; độc lập, chủ quyền được bảo đảm; vị thế và uy tín đất nước ngày càng nâng cao trên trường quốc tế.

Nhìn lại chặng đường hơn 35 năm qua, kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng khá ấn tượng. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới (1986 – 1990), mức tăng trưởng GDP bình quân hằng năm chỉ đạt 4,4% thì giai đoạn 1991 – 1995, GDP bình quân đã tăng gấp đôi, đạt 8,2%/năm; các giai đoạn sau đó đều có mức tăng trưởng khá cao; giai đoạn 2016 – 2019 đạt mức bình quân 6,8%. Mặc dù năm 2020, kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19 nhưng tốc độ tăng GDP của Việt Nam vẫn thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới.

Đến năm 2021, quy mô kinh tế Việt Nam tăng gấp 12 lần; thu nhập bình quân đầu người tăng 8,3 lần, kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng 29,5 lần, đưa Việt Nam trở thành một trong 20 nước có nền kinh tế đứng đầu thế giới về thương mại, cán cân thương mại duy trì xuất siêu năm thứ 6 liên tiếp, đạt khoảng 4 tỷ USD; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng 22 lần. Tỉ lệ hộ nghèo cả nước từ 58% năm 1993 xuống chỉ còn 2,23% (tính theo chuẩn mới). Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước có thu nhập bình quân đầu người/tháng (theo sức mua tương đương – PPP) đạt khoảng 11.040 USD, xếp thứ 6 trong khu vực Đông Nam Á và thứ 143 thế giới.

Cùng với những kết quả về phát triển kinh tế, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường; sức mạnh tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu được nâng lên; trang thiết bị, vũ khí hiện đại, vũ khí công nghệ cao được đầu tư nhằm tăng cường sức mạnh cho lực lượng vũ trang. An ninh chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, không ngừng mở rộng và đi vào chiều sâu; kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia – dân tộc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước, đồng thời đóng góp tích cực, có trách nhiệm cho hoà bình, hợp tác, phát triển của thế giới và khu vực, được cộng đồng quốc tế đồng tình ủng hộ, đánh giá cao; uy tín, vị thế của Đảng, Nhà nước, thế và lực của đất nước không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, trong đó có quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với 30 nước. Đảng ta đã thiết lập quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia. Quốc hội Việt Nam có quan hệ với quốc hội, nghị viện của hơn 140 nước. Việt Nam có quan hệ thương mại với trên 220 đối tác, 71 nước đã công nhận quy chế kinh tế thị trường đối với Việt Nam. Việt Nam đã ký kết và tham gia 15 hiệp định thương mại tự do, trong đó có nhiều hiệp định thương mại tự do “thế hệ mới”.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được chú trọng đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy Đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội các cấp. Công tác kiểm tra, giám sát và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai quyết liệt, bài bản, đi vào chiều sâu, có bước đột phá và đạt những kết quả cụ thể, rõ rệt. Nhiều vụ án kinh tế, tham nhũng được phát hiện, điều tra, khởi tố, xét xử nghiêm minh, tạo sức răn đe, cảnh tỉnh, được cán bộ, đảng viên và Nhân dân hoan nghênh, đánh giá cao và đồng tình ủng hộ. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực, suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong Đảng và hệ thống chính trị từng bước được kiềm chế, ngăn chặn.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử sau hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đã nâng cao vị thế của Việt Nam: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Trên cơ sở những thành tựu đạt được, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước”. Đại hội xác định tầm nhìn 5 năm, 10 năm và 25 năm: “Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: trở thành nước phát triển, thu nhập cao”.

Kỷ niệm 77 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là dịp để chúng ta càng hiểu rõ hơn những giá trị lịch sử, thực tiễn của Cách mạng Tháng Tám, nhận thức đầy đủ trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ hôm nay trong việc vận dụng và phát huy những bài học kinh nghiệm quý giá, nhất là bài học về nắm bắt thời cơ của Cách mạng Tháng Tám và của 77 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc luôn có giá trị thời sự, những tư tưởng mang tầm thời đại của Cách mạng Tháng Tám vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**III. PHONG TRÀO XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH**

Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao cao trào cách mạng năm 1930 - 1931 ở nước ta, được mở đầu bằng cuộc biểu tình kỷ niệm ngày quốc tế lao động 1/5/1930 của công nhân nhà máy Trường Thi, diêm Bến Thuỷ và nông dân cả huyện Hưng Yên, Nghi Lộc, Thanh Chương. Giặc Pháp và tay sai đã đàn áp dã man những cuộc xuống đường này.

Ngày 30/8/1930, 3.000 nông dân các huyện Nam Đàn vũ trang kéo lên huyện đốt giấy tờ, phá nhà lao. 1/9, 2 vạn công nhân Thanh Chương bao vây huyện đường. Cuộc biểu tình liên tiếp nổ ra ở Dương Châu, Can Lộc, Anh Sơn, Nghi Lộc và đỉnh cao là cuộc biểu tình ở Hưng Nguyên với sự ra đời của uỷ ban Xô Viết ngày 12/9/1930.

Khí thế của cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh đã nhanh chóng lan rộng trong cả nước. Chỉ trong tháng 9 và tháng 10 năm 1930, cả nước có 362 cuộc đấu tranh. Sự xuất hiện các Xô Viết làm chức năng chính quyền cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo đã phát triển ở nhiều vùng rộng lớn trong 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh.

Ngày 19/2/1931, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong báo cáo gởi lên ban chấp hành Quốc Tế Cộng Sản về cuộc đấu tranh ở Nghệ Tĩnh đã khẳng định: “bom đạn, súng máy, đốt nhà, dồn binh … đều bất lực không dập tắt nổi phong trào cách mạng của Nghệ Tĩnh”. Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh có thể xem là cuộc tổng diễn tập đầu tiên để tổng khởi nghĩa Tháng Tám diễn ra thành công trong cả nước.

***Nguồn: lichsuvietnam***

**IV. HỌC TẬP TƯ TƯỞNG, PHONG CÁCH, ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH: Xây dựng và phát huy “tính đảng” của cán bộ, đảng viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh**

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn yêu cầu tất cả cán bộ, đảng viên phải nêu cao “tính đảng” trong công tác cũng như cuộc sống, đó là phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết; làm việc cụ thể, tỉ mỉ, điều tra đến nơi đến chốn; lời nói phải đi đôi với việc làm; cán bộ, đảng viên phải thực sự là tấm gương tốt trong công việc và cuộc sống hàng ngày. Nêu cao “tính đảng” theo tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng về chính trị, tư tưởng, trong sáng về đạo đức để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao.

**1. “Tính đảng” trong tư tưởng Hồ Chí Minh**

Tính đảng là vấn đề được V.I.Lênin nêu lên từ rất sớm: “Tính đảng là tư tưởng xã hội chủ nghĩa”. Kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng và phát huy “tính đảng” của đảng viên. Theo Người, Đảng cần phải có những đảng viên kiên trung với lý tưởng, đường lối của Đảng: “Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, cần phải có tính đảng mới làm được việc”, nếu “kém tính đảng, thì việc gì cũng không làm nên”

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, “tính đảng” của cán bộ, đảng viên là sự biểu hiện tập trung nhất lập trường chính trị: “Trong tư tưởng của mình, chỉ có Đảng và lợi ích của Đảng”, Người đã chỉ rõ nội hàm “tính đảng” của cán bộ, đảng viên gồm: “Một là, phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết; Hai là, việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và phải làm đến nơi đến chốn…; Ba là, lý luận và thực hành phải luôn đi đôi với nhau”. Đây là những phẩm chất cần có của cán bộ, đảng viên.

Nội dung “tính đảng” trong tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở một số mặt sau đây: Một là, phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết.

Lợi ích của Đảng, của dân tộc là vấn đề cốt yếu của cách mạng. Các cuộc đấu tranh cách mạng để bảo vệ Tổ quốc cũng là để bảo vệ lợi ích của dân tộc, của Đảng và của nhân dân. Trong đó, lợi ích tối cao là gìn giữ độc lập, tự do của Tổ quốc, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Bất kỳ bao giờ, bất kỳ việc gì, đều phải tính đến lợi ích chung của Đảng, phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, trước hết, việc của cá nhân và lợi ích của cá nhân phải để lại sau. Đó là nguyên tắc tối cao của Đảng. Mỗi một đảng viên phải ghi chắc điều đó. Chúng ta gọi nó là Đảng tính”. Mỗi đảng viên phải nhận thức sâu sắc nguyên tắc đó để làm cơ sở cho việc xây dựng ý thức trách nhiệm trong mọi công việc, trên mọi cương vị, chức trách.

Đặt lợi ích của Đảng lên trên hết không có nghĩa phủ nhận, bài trừ lợi ích cá nhân mà vấn đề quan trọng là “phải làm sao cho lợi ích cá nhân hoàn toàn nhất trí với lợi ích của Đảng”. Bởi vì, lợi ích của Đảng chính là biểu hiện tập trung cao nhất lợi ích “của mọi đảng viên, nó là cái tiêu biểu tập trung lợi ích của toàn giai cấp công nhân và toàn dân tộc và loài người”. Trên quan điểm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, lợi ích cá nhân và lợi ích của Đảng, của dân tộc luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, thống nhất không tách rời. Trong đó, lợi ích của Đảng luôn bao gồm lợi ích cá nhân, lợi ích mỗi cá nhân là một bộ phận cấu thành lợi ích của Đảng; thành công và thắng lợi của Đảng tức là thành công và thắng lợi của mỗi cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên “không thể phát triển và thành công ngoài Đảng”. Vì vậy, nguyên tắc “tính đảng” tối cao của cán bộ, đảng viên đó là “phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết”.

Thực tế, không phải lúc nào lợi ích của Đảng cũng trùng với lợi ích cá nhân, thậm chí có khi lợi ích riêng cá nhân mâu thuẫn với lợi ích chung của tập thể, của Đảng. Trong hoàn cảnh đó, đảng viên phải luôn ghi nhớ và quán triệt nguyên tắc: “Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng”. Tính “kiên quyết hy sinh” của cá nhân cần được thực hiện một cách tự giác, không phải tự phát: “Hy sinh lợi ích cá nhân, thậm chí hăng hái vui vẻ hy sinh tính mệnh mình cho Đảng, cho giai cấp, cho dân tộc, cho loài người, đó là nguyên tắc tối cao, đạo đức tối cao của mỗi đảng viên”. Vì lẽ đó, trong công tác “mỗi một đảng viên, mỗi một bộ phận, mỗi một lời nói, việc làm, tuyệt đối phải nhằm vào lợi ích của toàn cuộc, lợi ích của toàn Đảng”, đó chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong nhận thức và phương châm hành động của cán bộ, đảng viên.

Hai là, việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và phải làm đến nơi đến chốn.

Cán bộ, đảng viên bất kể ở cương vị nào vào Đảng không phải “để cầu danh, cầu lợi”, họ đứng vào hàng ngũ của Đảng để trở thành những người chiến sĩ tiên phong của giai cấp, của dân tộc. Đã là đảng viên phải suốt đời vì dân, vì nước mà phấn đấu, làm việc. Suốt đời tận tụy với công việc, song không phải làm việc một cách tùy tiện, vô nguyên tắc, mà phải hết sức cẩn thận, tỉ mỉ, “nghiên cứu rõ ràng, dựa theo hoàn cảnh thiết thực, có kế hoạch, có từng bước, tỉnh táo, bền bỉ, không chủ quan”; “Trước khi làm một việc gì phải cẩn thận suy xét xem việc đó thành công thì ảnh hưởng thế nào, thất bại thì ảnh hưởng thế nào”. Làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải luôn thận trọng đối với công việc được giao đảm nhiệm, phải suy nghĩ một cách toàn diện khi làm bất cứ một công việc gì và phải bao quát, có triển khai công việc phải có kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở từng bộ phận thực hiện công việc; cùng với đó là dự tính được những tác động, ảnh hưởng chi phối đến quá trình thực hiện công việc để có biện pháp đúng đắn nhằm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Đây là một phẩm chất nhất thiết phải có và là một tiêu chí để đánh giá năng lực của cán bộ, đảng viên.

Ba là, lý luận và thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau.

Đảng ta là đội tiên phong, là tổ chức lãnh đạo chính trị của quần chúng. Thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, niềm tin của nhân dân đối với Đảng phụ thuộc một phần lớn vào trí tuệ và năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy, cán bộ, đảng viên phải có trí tuệ, có nhận thức sâu rộng, có năng lực tư duy khoa học, đồng thời cũng là người có năng lực thực hành giỏi, biết tổ chức và hoạt động thực tiễn có hiệu quả. Những phẩm chất ấy thống nhất với nhau thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Do đó, thống nhất giữa lý luận và thực hành, giữa lời nói và việc làm cũng là một trong những nội dung phản ánh phẩm chất đạo đức và uy tín của đảng viên.

Với tư cách là người tiên phong trong công tác, trong cuộc sống hàng ngày đảng viên phải luôn là tấm gương sáng cho quần chúng noi theo. Họ phải luôn là người miệng nói, tay làm, say mê với công việc, gần gũi với quần chúng và đặc biệt phải rất mẫu mực trong lối sống. Những biểu hiện sinh động của sự thống nhất giữa lời nói và việc làm một cách đúng đắn là sợi dây bền chắc, gắn bó giữa đảng viên với quần chúng, giữa Đảng và nhân dân. Đó là hiện thực của uy tín, là cơ sở của niềm tin yêu mà nhân dân dành cho cán bộ, đảng viên.

Thấm nhuần sâu sắc những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã thường xuyên quan tâm công tác xây dựng Đảng, chăm lo việc rèn luyện nâng cao tính đảng cho cán bộ, đảng viên. Trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay, hầu hết đều nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân, có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ vững đạo đức cách mạng, sinh hoạt giản dị, có tác phong dân chủ, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng và nhân dân.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên có những biểu hiện sa sút về tính đảng và đã được Đảng ta thẳng thắn chỉ rõ: “Không chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; sa sút ý chí phấn đấu, không gương mẫu trong công tác, né tránh trách nhiệm, thiếu trách nhiệm, trung bình chủ nghĩa, làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; không có ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao”; “cá nhân chủ nghĩa, sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi; chỉ lo vun vén cá nhân, không quan tâm đến lợi ích tập thể; ganh ghét, đố kỵ, so bì, tị nạnh, không muốn người khác hơn mình”. Những chuẩn mực đạo đức tốt đẹp, những mối quan hệ đồng chí, đồng đội, mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, giữa đảng viên và quần chúng đang có xu hướng bị biến dạng, làm suy yếu sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng.

Bên cạnh đó, sự tác động tiêu cực của kinh tế thị trường dẫn đến các sai phạm của cán bộ, đảng viên với cách thức làm việc chủ quan, tùy tiện, phô trương, hình thức, thiếu điều tra, nghiên cứu đã gây ra những thiệt hại rất lớn cho Nhà nước và nhân dân. Có một số cán bộ, đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chỉ lo vun vén lợi ích cá nhân, làm việc tuỳ tiện, vô nguyên tắc; buông lỏng quản lý. Vẫn còn tình trạng tham nhũng, độc đoán, thiếu dân chủ trong chỉ đạo, điều hành, mắc bệnh “thành tích”, háo danh, phô trương, che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, đánh bóng “tên tuổi”; lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực, cửa quyền, xa rời quần chúng. Đảng ta đã chỉ rõ nguyên nhân của những biểu hiện phai nhạt tính đảng đó là do cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm… Đây chính là những biểu hiện sự phai nhạt “tính đảng” của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Sự phai nhạt đó hết sức nguy hiểm, quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong lập trường chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống “chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”.

**2. Giải pháp nâng cao “tính đảng” cho cán bộ, đảng viên**

Để giữ vững “tính đảng” theo tư tưởng Hồ Chí Minh, mỗi cán bộ, đảng viên cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, thường xuyên tự tu dưỡng, tự rèn luyện, thực hành tự phê bình và phê bình.

Cán bộ, đảng viên cần nêu cao tính tích cực tự tu dưỡng, tự rèn luyện, phấn đấu về mọi mặt. Việc học tập, tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên chỉ có kết quả tốt khi chính họ có nhu cầu tu dưỡng, rèn luyện. Nhu cầu đó nảy sinh, phát triển cùng với quá trình tổ chức hoạt động tự giáo dục nhằm hình thành nhân cách theo yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng. Mỗi cán bộ, đảng viên phải xác định rõ động cơ tự học tập, tự rèn luyện là để phục vụ cho công tác cách mạng, biết khắc phục mọi khó khăn để phấn đấu vươn lên. Phát huy tinh thần tự chủ trong mọi hoạt động, phấn đấu vươn lên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; tự tu dưỡng, rèn luyện, tự chủ trong tự phê bình và phê bình. Chỉ khi nào cán bộ, đảng viên tự ý thức được trách nhiệm và nghĩa vụ trong công tác, khi đó họ sẽ luôn tiến bộ. Tự tu dưỡng, tự rèn luyện cùng với đó là trong mọi hoạt động không được lơ là, lúc khó khăn, gian khổ thì tích cực rèn luyện đến lúc thành công và quan trọng nhất là tự tu dưỡng, tự rèn luyện phải gắn với chống huênh hoang, kiêu ngạo, quan liêu, hủ hoá, mất hết tư cách cách mạng.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong tự tu dưỡng, tự rèn luyện quan trọng là “thiết thực phê bình và tự phê bình”. Chính thái độ của của cán bộ, đảng viên trong tự phê bình và phê bình là tiêu chí đánh giá “người ấy tốt hay là xấu, tiên tiến hoặc là lạc hậu, trung thành với sự nghiệp cách mạng hay là không”. Mỗi cán bộ, đảng viên vừa nghiêm khắc tự rút kinh nghiệm trong công tác, vừa có thái độ cầu thị, nghiêm túc và khiêm tốn trong việc tiếp thu, sửa chữa theo ý kiến phê bình của đồng chí và quần chúng.

Để thực hiện tự phê bình và phê bình đạt hiệu quả, cán bộ, đảng viên trước hết phải trung thành và thẳng thắn. Bởi vì, “trung thành thẳng thắn là đạo đức cách mạng mà cũng là cái động lực giúp chúng ta công tác có hiệu quả hơn cho Đảng, cho nhân dân”. Chỉ có trung thành và thẳng thắn, cán bộ, đảng viên trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào “bao giờ cũng đặt lợi ích chung của Đảng của cách mạng của nhân dân lên trên hết, trước hết. Vì Đảng, vì cách mạng, vì dân mà ra sức phấn đấu, dù phải hy sinh cả tính mệnh của mình cũng vui lòng”. Chỉ có trên cơ sở quán triệt tư tưởng đó, tinh thần tự phê bình và phê bình mới đảm bảo tính khách quan, hiệu quả nhằm chiến thắng chủ nghĩa cá nhân và thông qua đấu tranh chính trị để rèn luyện bản lĩnh, khẳng định “tính đảng”, đấu tranh với những biểu hiện hủ hóa, phản cách mạng.

Thứ hai, ra sức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sáng tạo trong công tác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn yêu cầu cán bộ, đảng viên dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải ra sức học tập, ra sức phấn đấu, ra sức rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt của mình, “… mỗi đảng viên phải học lý luận, phải đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế. Phải chữa cái bệnh kém lý luận, khinh lý luận và lý luận suông” nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

Cán bộ, đảng viên thường xuyên học tập chính là để có đủ năng lực làm chủ, năng lực tổ chức, có tư duy độc lập và sáng tạo, cải tiến phương pháp làm việc, nâng cao chất lượng công tác. Ra sức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ phải được coi là một tiêu chuẩn, một giá trị đạo đức của cán bộ, đảng viên. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, dù với bất cứ lý do gì thì việc xao nhãng nhiệm vụ học tập cũng là một khuyết điểm. Từ đó, Người vạch rõ phương hướng, nhiệm vụ đối với cán bộ, đảng viên là không được xao nhãng việc học tập, phải tu dưỡng không ngừng, đối với cán bộ “chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ”. Người đặt lên hàng đầu “lấy tự học làm cốt”, cán bộ, đảng viên phải biết “tự động học tập”, phải xác định tư tưởng cho đúng. Học tập phải trở thành nhu cầu, thói quen, hành vi hàng ngày của cán bộ, đảng viên. Cán bộ nào lười học, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp nhận, cập nhật thông tin mới, những hiểu biết mới cũng là một biểu hiện suy thoái về tính đảng, về đạo đức.

Thấm nhuần và vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạnh mới, Đảng ta luôn đặt ra yêu cầu và tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ, đảng viên: “Không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng. Mẫu mực về đạo đức, lối sống. Thực sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành”. Cán bộ, đảng viên phải nêu gương về tinh thần tự học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, học tập vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ đối với mọi cán bộ, đảng viên.

Thực tiễn cho thấy, thời gian qua bên cạnh những tấm gương tốt thì vẫn còn không ít cán bộ, đảng viên có tinh thần, thái độ không nghiêm túc trong học tập, rèn luyện… Đây là biểu hiện của sự phai nhạt tính đảng, cần phải phê bình, sửa chữa để mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là tấm gương về học tập cho quần chúng noi theo, góp phần đưa cả nước trở thành một “xã hội học tập”, phấn đấu vì Việt Nam giàu đẹp, văn minh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Thứ ba, phát huy vai trò gương mẫu trong mọi hoạt động.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới cuộc sống mới”. Như vậy, sự lành mạnh của đời sống đạo đức xã hội phụ thuộc một phần rất quan trọng vào sự nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là những người đứng đầu các ngành, các địa phương, các đơn vị. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc nhở: muốn thực sự làm người lãnh đạo, người chỉ huy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải hết sức giữ gìn và nêu gương về mặt đạo đức, nếu không thì rồi sẽ hỏng cả. Nêu gương, có nghĩa là bản thân cán bộ, đảng viên phải là người tiên phong làm trước, làm gương, không những hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, mà còn là những mẫu mực trong cuộc sống hàng ngày. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ vững “tính đảng” của cán bộ, đảng viên có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của Đảng ta. Trong giai đoạn hiện nay, những tư tưởng của Người càng khẳng định giá trị to lớn, đặc biệt là khi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang tiến hành đại hội đảng bộ các cấp hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Nêu cao “tính đảng” theo tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng về chính trị, tư tưởng, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao./.

***Theo Tạp chí điện tử Tổ chức nhà nước***

**IV. CHÍNH SÁCH CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 9/2022**

**Cản trở hoạt động tố tụng bị phạt tiền đến 80 triệu đồng**

Pháp lệnh số [02/2022/UBTVQH15](https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=206477) của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng có hiệu lực từ ngày 1/9/2022. Theo đó, mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi cản trở hoạt động tố tụng của cá nhân là 40 triệu đồng, của tổ chức là 80 triệu đồng.

Đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng hình sự, Pháp lệnh quy định phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng – 1.000.000 đồng đối với người tham gia tố tụng đã được triệu tập mà vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho hoạt động tố tụng.

**Từ 1/9, gửi hàng xe khách phải cung cấp đầy đủ, chính xác 6 thông tin**

Từ 1/9/2022, Nghị định số [47/2022/NĐ-CP](https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=206171&classid=1&typegroupid=4) ngày 19/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/1/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô có hiệu lực thi hành.

Trong đó, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 11: Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe (nếu có) khi nhận hàng hóa ký gửi xe ô tô (người gửi hàng hóa không đi theo xe) phải yêu cầu người gửi hàng hóa cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về: Tên hàng hóa, cân nặng (nếu có), họ và tên, địa chỉ, số chứng minh thư nhân dân/số thẻ căn cước công dân, số điện thoại liên hệ của người gửi và người nhận.

**6 trường hợp giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng**

Có hiệu lực từ ngày 12/9/2022, Nghị định số [49/2022/NĐ-CP](https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=206273&classid=1&typegroupid=4) ngày 29/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 4 đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng.

Giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng được quy định cụ thể với 6 trường hợp.

**Quy định mới về chế độ trợ cấp đối với người có công**

Có hiệu lực từ ngày 5/9/2022, Thông tư 44/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý.

Thông tư nêu rõ, 2 đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng gồm: Cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong ngành công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg; quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội, đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg.

Bên cạnh đó, thực hiện trợ cấp hàng tháng và trợ cấp 1 lần đối với người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg;…

**Hướng dẫn quy trình công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi người có công**

Thông tư số 55/2022/TT-BQP của Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy trình công nhận và thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2022.

Thông tư này hướng dẫn quy trình công nhận và thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

Thông tư hướng dẫn cụ thể về 24 quy trình công nhận và thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng với 23 đối tượng, trường hợp khác nhau.

**Từ 1/9, làm từ thiện phải ghi chép đầy đủ kết quả tiếp nhận, phân phối, sử dụng nguồn đóng góp**

Theo Thông tư số 41/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho các hoạt động xã hội, từ thiện có hiệu lực từ 1/9/2022, các cá nhân có các hoạt động xã hội, từ thiện có trách nhiệm mở sổ ghi chép đầy đủ thông tin về kết quả tiếp nhận, phân phối và sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện phải thực hiện theo quy định; đồng thời lập báo cáo và công khai tình hình tiếp nhận, phân phối và sử dụng nguồn đóng góp theo quy định của pháp luật.

**8 vị trí công tác lĩnh vực Đầu tư phải định kỳ chuyển đổi**

Thông tư 18/2022/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực Đầu tư ở địa phương có hiệu lực thi hành từ ngày 30/09/2022.

Thông tư này áp dụng với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực Đầu tư.

Danh mục vị trí công tác thuộc lĩnh vực Đầu tư phải thực hiện định kỳ chuyển đổi gồm: 1- Thẩm định, cấp giấy chứng nhận đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam và của Việt Nam ra nước ngoài; 2- Thẩm định dự án; 3- Đấu thầu và quản lý đấu thầu; 4- Lập, phân bổ, quản lý kế hoạch vốn; 5- Quản lý quy hoạch; 6- Quản lý khu công nghiệp – khu chế xuất – khu kinh tế; 7- Quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh; 8- Quản lý vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc quy định nêu trên là từ đủ 03 năm đến 05 năm.

**Chương trình Giáo dục thường xuyên mới cấp THPT**

Có hiệu lực từ ngày 10/9/2022,  Thông tư 12/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông được thực hiện từ năm học 2022-2023 đối với lớp 10; từ năm học 2023-2024 đối với lớp 11 và từ năm học 2024-2025 đối với lớp 12.

Chương trình bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp; các chuyên đề học tập lựa chọn; các môn học và hoạt động giáo dục tự chọn.

Cụ thể, các môn học bắt buộc gồm 7 môn học, trong đó: Ngữ văn, Toán, Lịch sử là 3 môn học bắt buộc và 4 môn học lựa chọn trong số các môn học Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục bắt buộc. Ngoài ra còn có các môn học, hoạt động tự chọn gồm Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số, Nội dung giáo dục địa phương.

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

**Người lao động vận hành công trình khí làm việc tối đa 12 giờ/ngày**

Thông tư 12/2022/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm công việc vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống đường ống phân phối khí và các công trình khí có hiệu lực từ ngày 9/9/2022.

Theo Thông tư quy định, người lao động làm công việc vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống đường ống phân phối khí và các công trình khí làm việc theo ca và phiên làm việc. Cụ thể, ca làm việc không quá 12 giờ trong 1 ngày; phiên làm việc tối đa là 7 ngày.

Bảo đảm tổng số giờ làm việc của ca làm việc và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 1 ngày; số giờ làm thêm không quá 300 giờ trong 1 năm.

***Nguồn: Báo Chính phủ***